

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN D  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 17-6-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Quang Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Quang Thương

Bà Phạm Thị Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đồng Thị Phương Mai-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 334/2020/TB-TA ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Như T; nơi cư trú: Số 1104 tổ 11, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Dương Thế Q; nơi công tác: Khoa phẫu thuật hồi sức cấp cứu – Bệnh viện Y học H; địa chỉ: Số 13 đường P, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Như T trình bày:

Chị và anh Dương Thế Q tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 7 năm 2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình chị ở phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẻ, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Gia L, sinh ngày 23-7-2017, chị T có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Thế Q vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q. Anh Q trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn như chị T trình bày. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Do công việc không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị T được, anh có đơn đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người các đương sự và căn cứ quy định tại các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn với anh Q. Về con chung: Giao cho chị T nuôi con chung Dương Gia L, sinh ngày 23-7-2017. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm Q giải quyết: Chị Nguyễn Như T và anh Dương Thế Q kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng năm 2017; theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T có nơi cư trú tại phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, anh Q có nơi công tác tại Khoa phẫu thuật hồi sức cấp cứu – Bệnh viện Y học H; địa chỉ: Số 13 đường P, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng, nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Dương Thế Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227, điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Thế Q.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Sau khi kết hôn chị T và anh Q chung sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, thiếu sự chia sẻ, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa chị T và anh Q không thể hòa giải được, cả hai đã sống ly thân, không còn sự quan tâm tới nhau. Lời khai của anh Dương Thế Q thống nhất với lời khai của chị T, anh Q cũng đồng ý ly hôn chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q vì lý do công tác nên vắng mặt do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*". Như vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Dương Gia L, sinh ngày 23-7-2017; hiện nay cháu Gia L đang ở với chị T, nay ly hôn chị T đề nghị được nuôi con, anh Q cũng đồng ý. Yêu cầu của chị T về việc nuôi con phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận và giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Như T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về Q kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Như T và anh Dương Thế Q được Q kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Như T được ly hôn anh Dương Thế Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Như T nuôi con chung là Dương Gia L, sinh ngày 23-7-2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Như T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0014341 ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về Q kháng cáo:

Chị Nguyễn Như T được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Thế Q được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận D;
- Tòa án NDTP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND P.H,Q.D, Hải Phòng (ĐKKH số 56/2017);
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Quang Trung**

